

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN HIỆP  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/DS - ST  
Ngày: 02-7-2021  
V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG**

**- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Danh Vũ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Lệ Hoa
2. Bà Phạm Thị Thu Trang

**- *Thư ký phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Cẩm Ni, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:*** Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 02 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 264/2020/TLST- DS ngày 11 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXX-DS ngày 01 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2021 ngày 18/6/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân X.

Trụ sở chính: Số XXXXX, phố L, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T, chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Khắc P, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Ông Nguyễn Khắc P ủy quyền lại cho chị Lê Thị Tuyết L, chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng XXXX huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

Trụ sở chi nhánh: ấp 9, thị trấn T, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn T, sinh năm: 1986 (Vắng mặt)

Bà Tô Thị N, sinh năm: 1957 (Vắng mặt)

Cùng trú tại: Khu phố H, thị trấn T, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng chi Lê Thị Tuyết L trình bày:*

Vào ngày 29/9/2016 anh Phạm Văn T và bà Tô Thị N với mã số khách hàng 5800121924 có ký hợp đồng vay vốn với Ngân hàng XXXXX phòng giao dịch huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, mã món vay 660000070858661 có vay số tiền là 19.000.000đ (*Mười chín triệu đồng*), hình thức vay vốn chương trình hộ nghèo để chăn nuôi heo. Ngày đến hạn trả nợ là ngày 04/9/2019, nhưng đến hạn anh T, bà N không chịu thanh toán cho Ngân hàng. Mặc dù Ngân hàng có đến nhắc nhở nhiều lần nhưng anh T, bà N không chịu thanh toán nợ từ đó Ngân hàng chuyển toàn bộ số nợ trên sang nợ quá hạn. Đến ngày 30/6/2021 anh T bà N trả được cho Ngân hàng số tiền gốc 8.421.919đ và lãi 1.578.081đ. Số tiền gốc còn lại 10.578.081đ.

Tại phiên Tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc anh Phạm Văn T và bà Tô Thị N trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền gốc là 10.578.081đ và tiền lãi phát sinh cho đến khi anh T, bà N trả hết nợ.

*Bị đơn anh Phạm Văn T trình bày theo bản tự khai ngày 02/12/2020:*

Vào ngày 29/9/2016 anh và mẹ ruột bà Tô Thị N với mã số khách hàng 5800121924 có ký hợp đồng vay vốn với Ngân hàng XXXX phòng giao dịch huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, mã món vay 660000070858661 vay số tiền là 19.000.000đ (*Mười chín triệu đồng*), hình thức vay vốn chương trình hộ nghèo để chăn nuôi heo, đến hạn trả nợ là ngày 04/9/2019. Nhưng do làm ăn thất bại từ đó đến nay anh và mẹ không đóng lãi và trả nợ gốc cho Ngân hàng được

Nay, Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang khởi kiện tại Tòa án yêu cầu anh và mẹ ruột bà Tô Thị N trả số tiền là 19.000.000đ (*Mười chín triệu đồng*) và tiền lãi tính đến ngày 04/7/2020 là 3.439.626đ (*Ba triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn sáu trăm hai mươi sáu đồng*). Tổng cộng là 22.439.626đ (*Hai mươi hai triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn sáu trăm hai mươi sáu đồng*). Anh T cam kết trả nợ trong thời hạn 01 tháng sẽ trả hết nợ gốc và lãi cho Ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt, hợp lệ giấy triệu tập cho bị đơn bà Tô Thị N tham gia phiên họp kiểm tra việc, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng bà N không có mặt và không có lời trình bày.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh Phạm Văn T và bà Tô Thị N trả cho Ngân hàng XXXX số tiền 10.578.081đ và tiếp tục chịu lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán dứt nợ. Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Ngân hàng XXXX khởi kiện anh Phạm Văn T bà, Tô Thị N. Bà N, anh T có nơi cư trú tại: Khu phố H, thị trấn T, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Phạm Văn T, bà Tô Thị N đã được Tòa án triệu tập phiên tòa lần 2 nhưng bà N, anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Năm, anh Tý.

[4] Xét giao dịch giữa Ngân hàng XXXX - Phòng giao dịch huyện Tân Hiệp và anh Phạm Văn T, bà Tô Thị N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, các bên đương sự đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hợp đồng được lập thành văn bản có chữ ký, xác nhận của các bên, không bị lừa dối, hay cưỡng ép, không trái đạo đức xã hội nên giao dịch dân sự trên là phù hợp với quy định pháp luật.

[5] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Hội đồng xét xử xét thấy trước đây anh Phạm Văn T bà Tô Thị N có đến Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - phòng giao dịch huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang ký hợp đồng vay vốn mã số khách hàng 5800121924, mã món vay 660000070858661 ngày 29/9/2016.

Số tiền vay: 19000.000đ (*Mười chín triệu đồng*)

Mục đích vay: Để phục vụ nuôi heo.

Thời hạn vay là 36 tháng, ngày trả nợ cuối cùng ngày 04/9/2019

Trả nợ định kỳ vào ngày 04 hàng tháng, theo dự nợ thực tế.

Lãi suất cho vay là 0,55%/ tháng, lãi suất nợ quá hạn 130%/ lãi suất cho vay.

Quá trình thực hiện hợp đồng đã quá thời hạn trả nợ theo hợp đồng vay vốn nhưng anh Phạm Văn T, bà Tô Thị N không đóng lãi và trả nợ. Đại diện Ngân hàng có đến nhắc và làm việc rất nhiều lần nhưng anh T, bà N chỉ cam kết mà không thực hiện việc trả nợ. Sau Khi Ngân hàng khởi kiện tại Tòa án ngày 04/12/2020 anh T bà N có đóng lãi cho Ngân hàng được 2.000.000đ, anh T cam kết 01 tháng sau sẽ thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng, nhưng đến hẹn anh T, bà N không thực hiện việc trả nợ. Tòa án tiến hành triệu tập đến hòa giải nhiều lần nhưng anh T, bà N không đến dự. Đến ngày 30/6/2021 anh T bà N trả được cho Ngân hàng số tiền gốc 8.421.919đ và lãi 1.578.081đ. Số tiền gốc còn lại 10.578.081đ do anh T bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại khoản 2

Điều 95 của Luật tổ chức tín dụng làm ảnh hưởng đến hoạt động tín dụng của Ngân hàng. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu anh T và bà N tiếp tục trả số tiền gốc còn lại là 10.578.081đ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu phản biện của bị đơn anh Phạm Văn T thừa nhận còn nợ Ngân hàng chính sách số tiền 19.000.000đ do làm ăn thất bại nên anh chưa thanh toán số tiền trên cho Ngân hàng được tại bản tự khai ngày 02 tháng 12 năm 2020 anh cam kết trong thời hạn 01 tháng sẽ trả hết nợ, nhưng từ ngày cam kết cho đến nay anh không thanh toán nợ cho Ngân hàng. Đến ngày 30/6/2021 anh và bà N có trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 8.421.919đ và lãi 1.578.081đ số tiền gốc còn lại 10.578.081đ.

[7] Đối với bị đơn bà Tô Thị N từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, Thông báo phiên họp việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà N không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có văn bản trả lời cho Tòa án, không đưa ra chứng cứ và cũng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan và không có ý kiến trình bày. Nên căn cứ theo khoản 2, khoản 4, Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Từ những cơ sở trên xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng chính yêu cầu anh Phạm Văn T, bà Tô Thị N trả số tiền 10.578.081đ (*Mười triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn không trăm tám mươi một đồng*) lãi tính đến ngày 02/7/2021 là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Giá trị tài sản tranh chấp là 10.578.081đ (*Mười triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn không trăm tám mươi một đồng*).

Án phí tính như sau:  $10.578.081đ \times 5\% = 528.904đ$  (*Năm trăm hai mươi tám triệu chín trăm lẻ bốn đồng*).

- Ngân hàng XXX không phải nộp tiền tạm ứng án phí được quy định tại Điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Buộc anh Phạm Văn T, bà Tô Thị N phải nộp là 528.904đ (*Năm trăm hai mươi tám triệu chín trăm lẻ bốn đồng*).

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, , Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 244 và khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015 .

Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng XXXX

**2.** Buộc anh Phạm Văn Tý, bà Tô Thị N trả cho Ngân hàng XXX số tiền là 10.578.081đ (*Mười triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn không trăm tám mươi mốt đồng*) lãi tính đến ngày 01/7/2021 theo hợp đồng vay vốn mã số khách hàng 5800121924, mã món vay 660000070858661 ngày 29/9/2016.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán ( theo hợp đồng vay vốn mã số khách hàng 5800121924, mã món vay 660000070858661 ngày 29/9/2016) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

**3.** Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Ngân hàng XXX không phải nộp tiền tạm ứng án phí được quy định tại Điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Buộc anh Phạm Văn T, bà Tô Thị N phải nộp là 528.904đ (*Năm trăm hai mươi tám triệu chín trăm lẻ bốn đồng*).

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**4.** Quyền kháng cáo: Ngân hàng XXXX có quyền kháng cáo trong thời

hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Văn T, bà Tô Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang.
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- THA dân sự huyện Tân Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Danh Vũ**

